

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2021/HNGĐ – ST

Ngày 26/10/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 352/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2021/QĐXXST-HNGĐ; Quyết định hoãn phiên tòa số 367/2021/QĐST - HNGĐ ngày 07/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ánh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A, đường LVN, khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Nam Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: B, khóm BĐ, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2021, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ánh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông Đ do quen biết và đi đến hôn nhân vào đầu năm 2017, có tổ chức lễ cưới vào tháng 8/2017, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không thể hiện trách nhiệm làm chồng, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được nên đến năm 2018 bà có nộp đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Đ, nhưng để tạo cho ông Đ thêm cơ hội nên bà đã rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó, ông Đ vẫn không sửa đổi để vợ chồng được đoàn tụ nên ông bà đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông Đ là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành Nam Đ không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/10/2021 ới lý do tình hình dịch bệnh đi lại khó khăn.

Ông Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:**

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và còn phải chịu hậu quả pháp lý.

- Về nội dung: Áp dụng: Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Không công nhận bà T và ông Đ là vợ, chồng.

Về quan hệ con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Ánh T với ông Nguyễn Thành Nam Đ là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Huỳnh Thị Ánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do điều kiện đi lại khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cũng như niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của Nguyễn Thành Nam Đ và được Công an phường BĐ, thành phố LX cung cấp thông tin: “Ông Nguyễn Thành Nam Đ, sinh năm 1977, có đăng ký thường trú B, khóm BĐ, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông Đ do quen biết và đi đến hôn nhân vào đầu năm 2017, có tổ chức lễ cưới vào tháng 8/2017, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không thể hiện trách nhiệm làm chồng, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được nên đến năm 2018 bà có nộ đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Đ, nhưng để tạo cho ông Đ thêm cơ hội nên bà đã rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó ông Đ vẫn không sửa đổi để vợ chồng được đoàn tụ nên ông bà đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. bà T nhận thất tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Đ.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà T và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà T ông Đ có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì theo bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông Đ không chăm lo gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2017, tuy hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, bà T và ông Đ chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Nguyễn Thành Nam Đ không phải là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: bà T và ông Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ánh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9; Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Nguyễn Thành Nam Đ không phải là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ánh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000471 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Ánh T và ông Nguyễn Thành Nam Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

